



FORM 1

TOP 30

- 1 1T LAW Wing Ki 羅永祺
- 2 1T CHAU Long Hei 周朗晞
- 3 1T TANG Cheuk Yiu 鄧焯堯
- 4 1T HO Wai Hin 何瑋軒
- 5 1T MENG Hin Lok 孟軒樂
- 6 1T FU Jiahui 傅嘉暉
- 7 1T CHAN Ngo Nam 陳翱南
- 8 1W CHUNG Sze Ping 鍾思平
- 9 1T SIT Chun Yin 薛晉言
- 10 1T KIANG Bo Kai 姜博凱
- 11 1T CHIU Cheuk Yeung 趙卓洋
- 12 1T LAM Siu Yeung 林紹洋
- 13 1T TSANG Pak Man 曾柏文
- 14 1T QIN Zhengyan Lambo 覃正岩
- 15 1T LEE Yin Hei Matthias 李彥熙
- 16 1W SHUN Wang Yuet 岑泓鉞
- 17 1T WONG Yuen Cheong 黃遠昌
- 18 1W WONG Chun Yin 王竣彥
- 19 1W CHAN Chun On 陳俊安
- 20 1P LEE Wai Hei 李韋希
- 21 1T PAU Chun Ming Ryan 包津銘
- 22 1T LEE Tsz Yui 李子睿
- 23 1T LEUNG Chun Hei 梁駿禧
- 24 1J CHENG Chi Chun 鄭嗣俊
- 25 1W WONG Yin Tsung 黃彥聰
- 26 1J CHENG Wai Hang 鄭衛恒
- 27 1J CHEUNG Hoi Ki 張凱淇
- 28 1T TSE Pui Yuen 謝沛源
- 29 1T OR Sau Nam 柯壽楠
- 30 1T WONG Ho Hang Owen 王皓行



FORM 2 TOP 30

- 1 2T LIN Yingchuan 林穎川
- 2 2W MAN King Yat Martin 萬璟一
- 3 2T PANG Chak Kuong 彭澤光
- 4 2W CHAN Hing Chak 陳慶澤
- 5 2W CHAN Chi Kit 陳智傑
- 6 2T SZETO Ho Kai 司徒浩楷
- 7 2T KWOK Yan Nok Kenneth 郭恩諾
- 8 2T CHING Tin Long 程天朗
- 9 2T LAM Sheung Tak 林尚德
- 10 2W CHUM Cheuk Hang 覃卓鏗
- 11 2W LEUNG Fu Kwan 梁富鈞
- 12 2T LAM Jing Long Oliver 林靖朗
- 13 2W TANG Yiu Nam 鄧曜藍
- 14 2M KWOK See Long 郭施朗
- 15 2W LAI King Kin 黎敬虔
- 16 2T CHANG Benjamin 張俊熙
- 17 2W CHUNG Kai Wang 鍾啟宏
- 18 2W LAI Yik Kwan 黎奕君
- 19 2T LAM Tin Tsun 林天峻
- 20 2W HUEN Chi Hung 禰志鴻
- 21 2W NG Yin Ting 吳彥霆
- 22 2T NG Tsz Chun 吳梓雋
- 23 2T PANG Ka Yin 彭家彥
- 24 2T TSUI Chun Lap 徐駿立
- 25 2T WONG Ching Chun Angus 黃程晉
- 26 2T XIAO Jingyang 肖景陽
- 27 2W LAM Fung Clive 林澍
- 28 2W CHAN Lok Hang Darryl 陳樂桁
- 29 2W KWAN Kam To Christopher 關錦濤
- 30 2W CHAN King Ho 陳璟豪



FORM 3

TOP 30

- 1 3T WONG Ka Yu 王嘉譽
- 2 3T CHIA Chun Kit Adrian 謝俊杰
- 3 3T LIEW Sea Ran Cleon 劉曦然
- 4 3T LIU Lihua 劉禮華
- 5 3T CHEN Yeung 陳陽
- 6 3T TSANG Po Man 曾譜文
- 7 3W CHAN Po Him David 陳蒲謙
- 8 3T WANG Jiasheng 王嘉盛
- 9 3T CHU Chung Chiu 朱翀墾
- 10 3T TSUI Clement Ho Kwan 徐浩鈞
- 11 3T MA Tin Long 馬天朗
- 12 3W CHENG Hei Ting Leo 鄭熙庭
- 13 3T LIU Zhenhui 劉振暉
- 14 3T JIN Yuheng 靳雨衡
- 15 3T WONG Hok Sum 王學琛
- 16 3W NG Yu Hin 吳宇軒
- 17 3T CHUA Alwin Ryan 蔡宗瀚
- 18 3W MAK Fai 麥暉
- 19 3W NG Ming Chun 吳銘峻
- 20 3T YIP Siu Kai 葉兆楷
- 21 3T CHAN Sean Enoch 陳曉楓
- 22 3T CHAN Ching Hiu Ryan 陳政曉
- 23 3T MAN Haruki 文慶彥
- 24 3W CHAN Long Sang 陳塋生
- 25 3T LAM Ching Ho 林正皓
- 26 3T AU Tsz Hin 區子軒
- 27 3T CHUNG King Yat 鍾敬逸
- 28 3T WU Yuwen James 巫宇文
- 29 3T LAU Yiu Hei 劉耀曦
- 30 3W LAM Tsz Yiu 林子堯



FORM 1

TOP 10 IN EACH CLASS

1J

- 1 CHENG Chi Chun 鄭嗣俊
- 2 CHENG Wai Hang 鄭衛恒
- 3 CHEUNG Hoi Ki 張凱淇
- 4 CHAN Chun Hei 陳俊熙
- 5 LEE Ho Chi 李浩誌
- 6 LAU Cheuk Kiu 劉倬僑
- 7 LAM Yat 林溢
- 8 SIU Ho Yan Aiden 蕭昊昕
- 9 LAU Kam Hang 劉錦鏗
- 10 CHOY Ching Kit 蔡政傑

1M

- 1 MAN Ying Kit 文英傑
- 2 LEE Chun Yin 李俊賢
- 3 NG Tsz Kiu Anson 吳梓喬
- 4 MA Ho Yuen 馬浩源
- 5 SIN Kai Wa 冼啟華
- 6 CHAN Man Chun 陳文俊
- 7 CHOI Jerico Aaron Inojo 蔡嘉堯
- 8 CHAN Ka Cheung 陳家彰
- 9 SUEN Ho Hin 孫顥軒
- 10 LAM Ching Yeung 林清揚

1P

- 1 LEE Wai Hei 李韋希
- 2 CHAN Wa Him 陳華謙
- 3 NG Hon Lam 吳瀚霖
- 4 CHUNG Bryan Tsz Wai 鍾梓維
- 5 LAM Chun Yin 林俊諺
- 6 CHAN Chun Lung 陳進隆
- 7 CHEUNG Chiu Kuen 張朝權
- 8 LONG Duoren 龍鐸荏
- 9 KAI Chun Sing 祁晉陞
- 10 WAI Preston Samuel 衛俊宇

1T

- 1 LAW Wing Ki 羅永祺
- 2 CHAU Long Hei 周朗晞
- 3 TANG Cheuk Yiu 鄧焯堯
- 4 HO Wai Hin 何瑋軒
- 5 MENG Hin Lok 孟軒樂
- 6 FU Jiahui 傅嘉暉
- 7 CHAN Ngo Nam 陳翱南
- 8 SIT Chun Yin 薛晉言
- 9 KIANG Bo Kai 姜博凱
- 10 CHIU Cheuk Yeung 趙卓洋

1W

- 1 CHUNG Sze Ping 鍾思平
- 2 SHUN Wang Yuet 岑泓鉞
- 3 WONG Chun Yin 王竣彥
- 4 CHAN Chun On 陳俊安
- 5 WONG Yin Tsung 黃彥聰
- 6 KEI Chiu Shing 紀昭丞
- 7 XUE Liran 薛力燃
- 8 YUEN Wing Chun 阮榮晉
- 9 TONG Tsz Hin 唐子軒
- 10 LAM Wai Fung 林韋鋒



FORM 2

TOP 10 IN EACH CLASS

2J

- 1 WAI Russo Jonathan 衛朗
- 2 LI Wai Shing 李偉誠
- 3 TANG Ho Yeung 鄧浩洋
- 4 LUI King Yin 呂璟言
- 5 CHEUNG Chun Hin 張俊軒
- 6 CHAI Chun Man 蔡俊文
- 7 AU Ching Yuen 區清源
- 8 CHAN Chun Hei 陳進熙
- 9 CHIN Chun Hei 陳俊義
- 10 KUNG Ho Hang 龔浩恆

2M

- 1 KWOK See Long 郭施朗
- 2 LEUNG Kin Pok 梁健博
- 3 KWONG Yue Kwan 鄺裕鈞
- 4 CHENG Ka Yu 鄭嘉裕
- 5 NG Darrell 伍朝彥
- 6 LO Adrian Chak Hei 盧澤熙
- 7 NG Ngai Fung 吳毅峯
- 8 CHEUK Chun Yat Charlie 卓竣逸
- 9 WONG Tsz Ting 黃梓庭
- 10 EU Tsun Sen 余浚辰

2P

- 1 CHAN Tsz Him 陳梓謙
- 2 WONG Chun Yin Jonathan 黃俊諺
- 3 LO Yin Kit 羅賢傑
- 4 YIM Kwai Yui 嚴貴睿
- 5 MA Chi Hin 馬智軒
- 6 WONG Ho Yin 黃浩然
- 7 LEE Yat Hei 李逸熙
- 8 WONG Ming Chun 黃明雋
- 9 SUEN Ming Yin 孫名諺
- 10 SUM Po Cheung 岑保翔

2T

- 1 LIN Yingchuan 林穎川
- 2 PANG Chak Kuong 彭澤光
- 3 SZETO Ho Kai 司徒浩楷
- 4 KWOK Yan Nok Kenneth 郭恩諾
- 5 CHING Tin Long 程天朗
- 6 LAM Sheung Tak 林尚德
- 7 LAM Jing Long Oliver 林靖朗
- 8 CHANG Benjamin 張俊熙
- 9 LAM Tin Tsun 林天峻
- 10 NG Tsz Chun 吳梓雋

2W

- 1 MAN King Yat Martin 萬璟一
- 2 CHAN Hing Chak 陳慶澤
- 3 CHAN Chi Kit 陳智傑
- 4 CHUM Cheuk Hang 覃卓鏗
- 5 LEUNG Fu Kwan 梁富鈞
- 6 TANG Yiu Nam 鄧耀藍
- 7 LAI King Kin 黎敬虔
- 8 CHUNG Kai Wang 鍾啟宏
- 9 LAI Yik Kwan 黎奕君
- 10 HUEN Chi Hung 禰志鴻



FORM 3

TOP 10 IN EACH CLASS

3J

- 1 TONG Hon Burgess 湯瀚
- 2 TAN Siu Kuen 陳兆權
- 3 WONG Ho Yin 黃浩賢
- 4 WONG Jason 黃柏棟
- 5 CHENG Pak To Cyrus 鄭栢濤
- 6 LAI Ngo Cheung 黎翱翔
- 7 NG Ka Ho 吳嘉浩
- 8 CHEUNG Ming Kit 張明傑
- 9 NG Man Ho 吳民皓
- 10 CHEANG Ho Chun 鄭皓晉

3M

- 1 WA Tsz Hei 華子禧
- 2 HUI Chun Ting 許進庭
- 3 CHAN Lai Lam 陳豐霖
- 4 LAM Tsz Hin 林子軒
- 5 CHAU Tin Wo Pax 周天和
- 6 CHEUNG Ka Hing 張家興
- 7 LEE Ho Yin 李浩然
- 8 SAM Colin 岑浩年
- 9 CHAN Man Fung 陳敏烽
- 10 WONG Chung Hin Ryan 黃松軒

3P

- 1 SUN Ho Tin 孫昊天
- 2 CHAN Ting Hin 陳庭軒
- 3 TSE Ho Him Albert 謝鵠謙
- 4 KWOK Tsz Hin 郭子軒
- 5 NG Ka Wui 吳嘉滙
- 6 LEE Sze Tik Issac 李詩迪
- 7 YEUNG Chun 楊振
- 8 XIAO Jingyuan 肖景元
- 9 CHAN Ming Hin 陳銘軒
- 10 LI Nok Hin 李諾軒

3T

- 1 WONG Ka Yu 王嘉譽
- 2 CHIA Chun Kit Adrian 謝俊杰
- 3 LIEW Sea Ran Cleon 劉曦然
- 4 LIU Lihua 劉禮華
- 5 CHEN Yeung 陳陽
- 6 TSANG Po Man 曾譜文
- 7 WANG Jiasheng 王嘉盛
- 8 CHU Chung Chiu 朱翀墾
- 9 TSUI Clement Ho Kwan 徐浩鈞
- 10 MA Tin Long 馬天朗

3W

- 1 CHAN Po Him David 陳蒲謙
- 2 CHENG Hei Ting Leo 鄭熙庭
- 3 NG Yu Hin 吳宇軒
- 4 MAK Fai 麥暉
- 5 NG Ming Chun 吳銘峻
- 6 CHAN Long Sang 陳塋生
- 7 LAM Tsz Yiu 林子堯
- 8 KONG Enam 江以楠
- 9 LO Chun Long 勞雋朗
- 10 LEUNG Ting Hin 梁廷軒



FORM 1

TOP 10 IN EACH SUBJECT

CHINESE

- 1J CHENG Chi Chun
- 1T LAW Wing Ki
- 1T TANG Cheuk Yiu
- 1T CHAU Long Hei
- 1W SHUN Wang Yuet
- 1T MENG Hin Lok
- 1T FU Jiahui
- 1T SIT Chun Yin
- 1T LAM Siu Yeung
- 1T TSE Pui Yuen

ENGLISH

- 1T CHAN Ngo Nam
- 1WRANA Nawang
- 1T LAW Wing Ki
- 1T CHAU Long Hei
- 1T TANG Cheuk Yiu
- 1T HO Wai Hin
- 1MMAN Ying Kit
- 1T LIANG Tak Shun
- 1T CHIU Cheuk Yeung
- 1T LAM Siu Yeung

MATHEMATICS

- 1T SIT Chun Yin
- 1T LAW Wing Ki
- 1T CHAU Long Hei
- 1WWONG Chun Yin
- 1T CHUI Qi Ning
- 1T FU Jiahui
- 1T HO Wai Hin
- 1T CHIU Cheuk Yeung
- 1T TANG Cheuk Yiu
- 1J CHAN Chun Hei

COMPUTER

- 1T LAW Wing Ki
- 1WCHAN Chun On
- 1T CHAN Ngo Nam
- 1T MENG Hin Lok
- 1T TANG Cheuk Yiu
- 1T CHAU Long Hei
- 1MCHAN Ka Cheung
- 1P NG Hon Lam
- 1T CHUI Qi Ning
- 1T WONG Yuen Cheong

GEOGRAPHY

- 1T CHAU Long Hei
- 1T LAW Wing Ki
- 1J CHOY Ching Kit
- 1WCHUNG Sze Ping
- 1T QIN Zhengyan Lambo
- 1P LEE Wai Hei
- 1W RANA Nawang
- 1P NG Hon Lam
- 1T TANG Cheuk Yiu
- 1T WONG Paak Him
Nicholas

HISTORY

- 1T LAW Wing Ki
- 1WFUNG Zhi Xing
- 1T TANG Cheuk Yiu
- 1T KIANG Bo Kai
- 1T LEUNG Chun Hei
- 1MSUEN Ho Hin
- 1T MENG Hin Lok
- 1T WONG Yuen Cheong
- 1T SIT Chun Yin
- 1J CHENG Chi Chun

IS

- 1W CHUNG Sze Ping
- 1W RANA Nawang
- 1T LAW Wing Ki
- 1T CHAU Long Hei
- 1W CHAN Chun On
- 1P LEE Wai Hei
- 1T HO Wai Hin
- 1T TANG Cheuk Yiu
- 1W WONG Chun Yin
- 1T MENG Hin Lok

LIFE & SOCIETY

- 1J CHENG Chi Chun
- 1W FUNG Zhi Xing
- 1W CHUNG Sze Ping
- 1P WAI Preston Samuel
- 1P MA Chin Ho
- 1W SHUN Wang Yuet
- 1W MIYAZONO Rakusei
- 1T CHAU Long Hei
- 1T TANG Cheuk Yiu
- 1M CHAN Man Chun

MUSIC

- 1T SIT Chun Yin
- 1T LAW Wing Ki
- 1T CHAU Long Hei
- 1WWONG Chun Yin
- 1T CHUI Qi Ning
- 1T FU Jiahui
- 1T HO Wai Hin
- 1T CHIU Cheuk Yeung
- 1T TANG Cheuk Yiu
- 1J CHAN Chun Hei

PE

- 1T CHAN Man Pan
- 1W TSANG Tsz Ho
- 1M HO Yin Ching
- 1T FU Jiahui
- 1W TONG Tsz Hin
- 1M CHEUNG Ho Chung
- 1M CHEUNG Pak Long
- 1P CHAN Wa Him
- 1T LAW Wing Ki
- 1W FONG Tsz Ip

PUTONGHUA

- 1P OR Ho Yin
- 1T WONG Yuen Cheong
- 1W XUE Liran
- 1T FU Jiahui
- 1W SHUN Wang Yuet
- 1T MENG Hin Lok
- 1P KAI Chun Sing
- 1P LONG Duoren
- 1W LEE Hok Ching
- 1T LAW Wing Ki

VA

- 1T CHAU Long Hei
- 1T LAW Wing Ki
- 1T HO Wai Hin
- 1T MENG Hin Lok
- 1T TANG Cheuk Yiu
- 1J MA Ho Yin
- 1P CHAN Wa Him
- 1WCHUNG Sze Ping
- 1M CHOI Jerico Aaron Inojo
- 1W KEI Chiu Shing

RSE

- 1W SHUN Wang Yuet
- 1T LAW Wing Ki
- 1T TANG Cheuk Yiu
- 1J CHENG Chi Chun
- 1W WONG Yin Tsung
- 1T MENG Hin Lok
- 1T CHIU Cheuk Yeung
- 1T SIT Chun Yin
- 1P NG Hon Lam
- 1T HO Wai Hin



FORM 2

TOP 10 IN EACH SUBJECT

CHINESE

- 1 2T LIN Yingchuan
- 2 2T PANG Chak Kuong
- 3 2W MAN King Yat Martin
- 4 2W CHAN Hing Chak
- 5 2T SZETO Ho Kai
- 6 2T CHING Tin Long
- 7 2W LAM Fung Clive
- 8 2W LEUNG Chun Yat
- 9 2W CHAN Chi Kit
- 10 2T LAM Jing Long Oliver

ENGLISH

- 1 2W MAN King Yat Martin
- 2 2T LEE Sean
- 3 2T PHILLIPS Colm Patrick
- 4 2W LAU Hung Ming
- 5 2T KWOK Kenneth
- 6 2M KWOK See Long
- 7 2W LEUNG Fu Kwan
- 8 2W CHAN Chi Kit
- 9 2W NG Yin Ting
- 10 2T LIN Yingchuan

MATHEMATICS

- 1 2W NG Yin Ting
- 2 2W CHAN Hing Chak
- 3 2T LIN Yingchuan
- 4 2T LAM Tin Tsun
- 5 2T LAM Sheung Tak
- 6 2W CHAN Chi Kit
- 7 2T SZETO Ho Kai
- 8 2W CHUM Cheuk Hang
- 9 2W CHAN King Ho
- 10 2T WONG Ching Chun Angus

COMPUTER

- 1 2T CHING Tin Long
- 2 2T PANG Chak Kuong
- 3 2T LIN Yingchuan
- 4 2T SZETO Ho Kai
- 5 2T WONG Ching Chun Angus
- 6 2T KWOK Kenneth
- 6 2T LAM Jing Long Oliver
- 6 2T LAM Tin Tsun
- 9 2T CHANG Benjamin
- 9 2T TSUI Chun Lap
- 9 2WLAI King Kin

GEOGRAPHY

- 1 2T SZETO Ho Kai
- 2 2T LIN Yingchuan
- 3 2W MAN King Yat Martin
- 4 2W CHUM Cheuk Hang
- 5 2W KWAN Christopher
- 6 2T CHING Tin Long
- 7 2W CHAN Chi Kit
- 8 2W CHUNG Kai Wang
- 9 2T CHANG Benjamin
- 10 2T KWOK Kenneth

HISTORY

- 1 2T LIN Yingchuan
- 2 2T PANG Chak Kuong
- 3 2T CHING Tin Long
- 4 2W LEUNG Fu Kwan
- 5 2W MAN King Yat Martin
- 6 2T SZETO Ho Kai
- 7 2W CHAN Hing Chak
- 8 2T NG Tsz Chun
- 9 2W CHUNG Kai Wang
- 10 2T LAM Jing Long Oliver
- 10 2W LAM Fung Clive

IS

- 1 2W CHAN Chi Kit
- 2 2M KWOK See Long
- 3 2W LAI King Kin
- 4 2W CHUNG Kai Wang
- 5 2T SZETO Ho Kai
- 6 2W CHAN Hing Chak
- 7 2W HUEN Chi Hung
- 8 2W CHUM Cheuk Hang
- 9 2T LAM Jing Long Oliver
- 10 2T PANG Chak Kuong

LIFE & SOCIETY

- 1 2W MAN King Yat Martin
- 2 2WT ANG Yiu Nam
- 3 2W LEUNG Fu Kwan
- 4 2W CHAN Chi Kit
- 5 2M KWOK See Long
- 6 2W CHAN Hing Chak
- 7 2W LAI King Kin
- 8 2W CHUNG Kai Wang
- 9 2W CHUM Cheuk Hang
- 10 2W TSE Ho Yin

MUSIC

- 1 2W MAN King Yat Martin
- 2 2T LIN Yingchuan
- 3 2T LAM Sheung Tak
- 4 2W TANG Yiu Nam
- 5 2M KWOK See Long
- 6 2T CHAN Kin Tung
- 7 2T CHUNG Ho Pong
- 8 2T SZETO Ho Kai
- 9 2W CHAN Hing Chak
- 10 2W NG Yin Ting

PE

- 1 2M LO Adrian Chak Hei
- 2 2P NG Ho Chun
- 3 2P YIM Kwai Yui
- 4 2W LI Ka Him
- 5 2T LEE Sean
- 6 2P TANG Yik Tsun
- 7 2P HO Kwing Nam
- 8 2J HUNG Man Ching
- 9 2J CHAU Tze Fung
- 10 2P WONG Ming Chun

PUTONGHUA

- 1 2T LIN Yingchuan
- 2 2J LI Wai Shing
- 3 2T PANG Chak Kuong
- 4 2W LEUNG Chun Yat
- 5 2W CHUM Cheuk Hang
- 6 2T SHUM Chung Po
- 7 2T XIAO Jingyang
- 8 2W CHAN Hing Chak
- 9 2W TSE Ho Yin
- 10 2T LAM Sheung Tak

VA

- 1 2T LIN Yingchuan
- 2 2W FUNG Long Chi
- 3 2T CHANG Benjamin
- 4 2W MAN King Yat Martin
- 5 2J WAI Russo Jonathan
- 6 2T PHILLIPS Colm Patrick
- 7 2T SZETO Ho Kai
- 8 2W LAI King Kin
- 9 2T PANG Chak Kuong
- 10 2T CHING Tin Long

RSE

- 1 2W LAI King Kin
- 2 2T LAM Jing Long Oliver
- 3 2T CHING Tin Long
- 4 2W HO Tsz Kiu Samuel
- 5 2W MAN King Yat Martin
- 6 2T KWOK Kenneth
- 7 2T LAM Sheung Tak
- 8 2T LIN Yingchuan
- 9 2W CHUM Cheuk Hang
- 10 2W LEUNG Fu Kwan



FORM 3

TOP 10 IN EACH SUBJECT

CHINESE

- 1 3T WONG Ka Yu
- 2 3T CHEN Yeung
- 3 3T LIEW Sea Ran Cleon
- 4 3T CHU Chung Chiu
- 5 3T CHIA Chun Kit Adrian
- 6 3T LIU Lihua
- 7 3T LIU Zhenhui
- 8 3T WANG Jiasheng
- 9 3M WA Tsz Hei
- 10 3T TSANG Po Man

ENGLISH

- 1 3T WONG Ka Yu
- 2 3T CHIA Chun Kit Adrian
- 3 3W CHAN Po Him David
- 4 3T CHAN Sean Enoch
- 5 3T LIEW Sea Ran Cleon
- 6 3T CHUA Alwin Ryan
- 7 3T LIU Lihua
- 8 3T TSUI Clement
- 9 3T CHEN Yeung
- 10 3WTAM Ho Chun

MATHEMATICS

- 1 3T TSANG Po Man
- 2 3T WONG Ka Yu
- 3 3T LIEW Sea Ran Cleon
- 4 3T CHIA Chun Kit Adrian
- 5 3T LIU Lihua
- 6 3T LAM Ching Ho
- 7 3T CHEN Yeung
- 8 3WCHAN Long Sang
- 9 3WLI Chun Him
- 10 3MSAM Colin

COMPUTER

- 1 3T CHIA Chun Kit Adrian
- 2 3T WONG Ka Yu
- 3 3W FONG Ching Adam
- 4 3W CHAN Po Him David
- 5 3T CHAN Sean Enoch
- 6 3W LI Chun Him
- 7 3W TSE Sheung Hing
- 8 3T LIEW Sea Ran Cleon
- 9 3T LIU Lihua
- 10 3W CHAN Long Sang

GEOGRAPHY

- 1 3T TSUI Clement
- 2 3T WONG Ka Yu
- 3 3T LIEW Sea Ran Cleon
- 4 3T CHIA Chun Kit Adrian
- 5 3T JIN Yuheng
- 6 3T LIU Lihua
- 7 3W CHAN Po Him David
- 8 3T CHUA Alwin Ryan
- 9 3T WONG Hok Sum
- 10 3WNG Ming Chun

HISTORY

- 1 3T WONG Ka Yu
- 2 3T CHIA Chun Kit Adrian
- 3 3T CHEN Yeung
- 4 3W CHAN Po Him David
- 5 3T CHU Chung Chiu
- 6 3T LIU Zhenhui
- 7 3T LIEW Sea Ran Cleon
- 8 3T TSANG Po Man
- 9 3T WONG Hok Sum
- 10 3P CHAN Ting Hin

IS

- 1 3T WONG Ka Yu
- 2 3T CHIA Chun Kit Adrian
- 3 3T LIEW Sea Ran Cleon
- 4 3T TSANG Po Man
- 5 3T LIU Lihua
- 6 3W CHAN Po Him David
- 7 3T CHU Chung Chiu
- 8 3T CHAN Sean Enoch
- 9 3T CHEN Yeung
- 10 3T JIN Yuheng

LIFE & SOCIETY

- 1 3T CHIA Chun Kit Adrian
- 2 3M LAM Tsz Hin
- 3 3T LIEW Sea Ran Cleon
- 4 3J TONG Hon Burgess
- 5 3W NG Yu Hin
- 6 3T WONG Ka Yu
- 7 3J WONG Ho Yin
- 8 3M WA Tsz Hei
- 9 3T TSANG Po Man
- 10 3W MAK Fai

MUSIC

- 1 3T WONG Ka Yu
- 2 3T CHIA Chun Kit Adrian
- 3 3T CHAN Sean Enoch
- 4 3T CHEN Yeung
- 5 3T TSANG Po Man
- 6 3W HO Ho Leung
- 7 3T CHUNG King Yat
- 8 3T LAU Yiu Hei
- 9 3W NG Cho Lam
- 10 3W LAM Tsz Yiu
LEUNG Ting Hin

PE

- 1 3M TING Chak Kam Bowen
- 2 3WCHAN Yee Lok
- 3 3M HUNG Nok Yin
- 4 3J LAI Ngo Cheung
- 5 3MNG Wai Lam
- 6 3M TANG Him Yee
- 7 3WCHAN Long Sang
- 8 3T LAW Zachary
- 9 3J KONG Isaac
- 10 3J WAN Ka Tai Eddie

PUTONGHUA

- 1 3T LIU Lihua
- 2 3T CHIA Chun Kit Adrian
- 3 3T WONG Ka Yu
- 4 3T JIN Yuheng
- 5 3T WANG Jiasheng
- 6 3P XIAO Jingyuan
- 7 3T LIU Zhenhui
- 8 3WYUAN MingTao
- 9 3P HUANG Haiwei
- 10 3WCHIU Chak Ming

VA

- 1 3T WONG Ka Yu
- 2 3W IP Chak Yu
- 3 3T CHUNG King Yat
- 4 3M WA Tsz Hei
- 5 3T NG Ka Wah
- 6 3T CHIA Chun Kit Adrian
- 7 3T TSANG Po Man
- 8 3T LIU Lihua
- 9 3M CHAU Tin Wo Pax
- 10 3WMAK Fai

RSE

- 1 3T JIN Yuheng
- 2 3T WONG Hok Sum
- 3 3T AU Tsz Hin
- 4 3T LIEW Sea Ran Cleon
- 5 3T WONG Ka Yu
- 6 3T LIU Lihua
- 7 3T CHIA Chun Kit Adrian
- 8 3W CHENG Hei Ting Leo
- 9 3T LIU Zhenhui
- 10 3W LAU Wai Him Vincent



FORM 4

TOP 10 IN CORE SUBJECTS

CHINESE

- 1 4M LO Man Him
- 2 4W TAI Siu Tung
- 3 4M SAHMET Wilson
- 4 4M SHUM Chung Wa
- 5 4M CHOW Marco Hin Yue
- 6 4M LAM Nok Yin
- 7 4M LIU Tsz Hang
- 8 4M CHENG Lai Him
- 9 4M SUNG Ho Ting
- 10 4M CHEUNG Sin Yin

ENGLISH

- 1 4T ANDERSEN Luis Halfdan
- 2 4T BERNANDINO
Bernardo II G.
- 3 4J PHILLIPS Raefe Ling
- 4 4J LAU Cheuk Hei
- 5 4M WONG Tsz Yin
- 6 4T LAM Cheuk Hei
- 7 4M CHOW Marco Hin Yue
- 8 4T CHAN Tsun Hei
- 9 4M SAHMET Wilson
- 10 4T CHAN Yen Hung Bolton

MATHEMATICS

- 1 4M SHUM Chung Wa
- 2 4M CHOW Marco Hin Yue
- 3 4M SAHMET Wilson
- 4 4M XUE Ren Hua
- 5 4M LO Man Him
- 6 4M CHENG Lai Him
- 7 4M LIU Tsz Hang
- 8 4M TANG Eric Yin Heng
- 9 4M HA Dik Hei
- 10 4M CHEUNG Chun Lok

LIBERAL STUDIES

- 1 4M SHUM Chung Wa
- 2 4M LO Man Him
- 3 4M LAM Sung Hin
- 4 4M LAW Yuk Kei Brighton
- 5 4T TSUI Yat Tung
- 6 4M CHOW Marco Hin Yue
- 7 4M SAHMET Wilson
- 8 4J LEI Jinqiang
- 9 4M TANG Eric Yin Heng
- 10 4M TANG Yiu Cheung Harald



FORM 4

TOP 3 IN ELECTIVE SUBJECTS

BAFS

- 1 4P LO Wing Ho
- 2 4J LI Sai Kong
- 3 4M CHENG Chun Long

CHI. HISTORY

- 1 4J CHOW Yik Ching
- 2 4M LIU Tsz Hang
- 3 4W TAI Siu Tung

HISTORY

- 1 4M WAN Chi Yin
- 2 4W WONG Cheuk Hin
- 3 4J CHOW Yik Ching

MATH. (MODULE II)

- 1 4M LI Ka Him
- 2 4M XUE Ren Hua
- 3 4M HA Dik Hei

PHYSICS

- 1 4M XUE Ren Hua
- 2 4M TANG Eric Yin Heng
- 3 4M LO Man Him

BIOLOGY

- 1 4M TANG Long Fung
- 2 4M LO Man Him
- 3 4M LI Ming Chun

ECONOMICS

- 1 4W SIN Hei Man Ryan
- 2 4M XUE Ren Hua
- 3 4M YUON Zhong Qian

ICT C

- 1 4T BERNANDINO
Bernardo II G.
- 2 4J LAI Cheuk Hei
- 3 4P CHAN Ka Chung Adrian

PE

- 1 4T WONG Yin Chun
- 2 4T LAU Shun
- 3 4T CHAN Tsun Hei

RSE

- 1 4M CHOW Marco Hin Yue
- 2 4M BAT Long Sing Ryan
- 3 4M LO Man Him

CHEMISTRY

- 1 4M SAHMET Wilson
- 2 4M CHOW Marco
Hin Yue
- 3 4M LO Man Him

GEOGRAPHY

- 1 4M SAHMET Wilson
- 2 4J CHU Ching Fu
- 3 4M TANG Yiu Cheung
Harald

ICT D

- 1 4M LI Ming Chun
- 2 4J LEUNG Figo
Chun Yee
- 3 4J MAK Cheuk Fung
Gordon

PE (DSE LEVEL)

- 1 4M CHEUNG Chun Lok
- 2 4W LEE Cheuk Tsung
- 3 4P TANG Hans

VA (DSE LEVEL)

- 1 4J PHILLIPS Raefe Ling
- 2 4M CHIU Ka Him
- 3 4P TSUI Wai Kit



FORM 5

TOP 10 IN CORE SUBJECTS

CHINESE

- 1 5M CHI Jason
- 2 5M LEUNG Tsz Shing
- 3 5M KAO Cho Chieh
- 4 5M CHOW Wai Kin Wilkin
- 5 5M XIA Shang
- 6 5M WONG Pok Hang
- 7 5W FUNG Hiu Yeung
- 8 5M HO King Sun
- 9 5M LEE Pak Man
- 10 5M HUANG Zhaonan

ENGLISH

- 1 5J FOO Li Chao
- 2 5M CHI Jason
- 3 5M FU Chun Yin
- 4 5M LEUNG Tsz Shing
- 5 5M HO King Sun
- 6 5M LAI Pak Hei
- 7 5M CHUNG Ka Shing
- 8 5M KWONG Tsun Wai
- 9 5M HUI Ka Wai
- 10 5M WONG Pok Hang

MATHEMATICS

- 1 5M WONG Pok Hang
- 2 5M LEUNG Tsz Shing
- 3 5T FUNG Tony Ga Zen
- 4 5M XIA Shang
- 5 5M KAO Cho Chieh
- 6 5M CHI Jason
- 7 5M LEE Pak Man
- 8 5M SHUM Hin Ho
- 9 5M HUANG Zhaonan
- 10 5M CHOW Kin Pong

LIBERAL STUDIES

- 1 5M LAI Pak Hei
- 2 5M LAU Kwan Yin
- 3 5P LAM Chun Lok
- 4 5M HON Hing Ting
- 5 5M LEUNG Tsz Shing
- 6 5M CHOW Kin Pong
- 7 5M CHI Jason
- 8 5M HUI Ka Wai
- 9 5M TAM Sze Hang
- 10 5P HO Cheuk Yan



FORM 5

TOP 3 IN ELECTIVE SUBJECTS

BAFS

- 1 5M LEUNG Tsz Shing
- 2 5M LEE Chak Wong
- 3 5M NGAI Ting Hei

BIOLOGY

- 1 5M CHI Jason
- 2 5M IP Shing Yan Henry
- 3 5M PAK Man Ho Andrew

CHEMISTRY

- 1 5M CHI Jason
- 2 5M LEUNG Tsz Shing
- 3 5M WONG Pok Hang

CHI. HISTORY

- 1 5M CHOW Kin Pong
- 2 5J LEE Kui Ching
- 3 5W SHIU Tsz Long

ECONOMICS

- 1 5M IP Shing Yan Henry
- 2 5M LAU Kwan Yin
- 3 5J CHEUNG Cheuk Wai

GEOGRAPHY

- 1 5M KWONG Tsun Wai
- 2 5M FU Chun Yin
- 3 5J KWAN Long Hei

HISTORY

- 1 5M HO Cheuk Hin
- 2 5M LAU Kwan Yin
- 3 5J LEE Kui Ching

ICT C

- 1 5M SETO Chung Tin
- 2 5P HO Cheuk Yan
- 3 5J WONG Vincent Wai Shun

ICT D

- 1 5M WONG Pok Hang
- 2 5M LEE Pok Man
- 3 5M KAO Cho Chieh

MATH. (MODULE II)

- 1 5M WONG Pok Hang
- 2 5M LEUNG Tsz Shing
- 3 5M XIA Shang

PE

- 1 5T CHAN Wing Tsun Kelvin
- 2 5P LEE King Hang Henry
- 3 5M HUANG Zhaonan

PE (DSE LEVEL)

- 1 5P LAI Kwan Lok
- 2 5P LEUNG Laam Hei
- 3 5T CHAN Wing Tsun Kelvin

PHYSICS

- 1 5M LEUNG Tsz Shing
- 2 5M WONG Pok Hang
- 3 5M CHI Jason

RSE

- 1 5M LEUNG Tsz Shing
- 2 5P CHAN Lok Hei
- 3 5P CHOW Chun Hei



FORM 2

HIGHEST ACADEMIC IMPROVEMENT

- 1 2T SHUM Chung Po 沈宗葆
2 2P CHAN Tsz Him 陳梓謙
3 2W LAI King Kin 黎敬虔
4 2J LAW Yiu To 羅耀韜
5 2W TSE Ho Yin 謝灝賢
6 2J WONG Kai Lim 黃榮廉
7 2J WAI Russo Jonathan 衛朗
8 2W HUEN Chi Hung 禰志鴻
9 2J LUI King Yin 呂璟言
10 2M FUNG Yuen Hei 馮遠希
11 2P HO Kwing Nam 何炯楠
12 2P YIM Kwai Yui 嚴貴睿
13 2W LAU Wan Shan 劉雲山
14 2P SIN Long Hei Damian 冼朗熙
15 2J HUI Ki Sum 許祺森
16 2P LO Yin Kit 羅賢傑



FORM 3

HIGHEST ACADEMIC IMPROVEMENT

- 1 3J TONG Hon Burgess 湯瀚
- 2 3M HUI Chun Ting 許進庭
- 3 3M CHEUNG Ka Hing 張家興
- 4 3J NG Man Ho 吳民皓
- 5 3T WU Yuwen James 巫宇文
- 6 3W CHAN Long Sang 陳塋生
- 7 3T NG Ka Wah 吳家樺
- 8 3M CHAN Lai Lam 陳豐霖
- 9 3M WONG Chung Hin Ryan 黃松軒
- 10 3M WU Tsz Ho 胡芷浩
- 11 3M TANG Him Yee 鄧謙怡
- 12 3J KANAGAWA Hotinyau 金川何天佑
- 13 3M NG Wai Lam 吳蔚霖
- 14 3P KWAN Chung Fai Ryan 關頌暉
- 15 3T CHAN Nam Chun 陳南震
- 16 3P NG Ka Wui 吳嘉滙
- 17 3W FONG Ching Adam 方政
- 18 3P CHAN Ting Hin 陳庭軒
- 19 3W LEUNG Ting Hin 梁廷軒
- 20 3J CHEUNG Ming Kit 張明傑
- 21 3W KONG Enam 江以楠